TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ	*Thạch An, ngày 22 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng về việc: xin ly hôn, giữa:

** Nguyên đơn: Đàm Văn T - sinh năm 1992*

** Bị đơn: Nông Thị Đ - sinh năm 1992*

Cùng trú tại: xóm N xã L huyện T tỉnh Cao Bằng

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án;

- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đàm Văn T và chị Nông Thị Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Đàm Văn T và chị Nông Thị Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn: Anh Đàm Văn T và chị Nông Thị Đ xác nhận có 01 con chung tên là Đàm Xuân G – sinh ngày 04/12/2013, hiện cháu G đang ở với anh T. Sau khi ly hôn anh T được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đàm Xuân G – sinh ngày 04/12/2013 cho đến tuổi trưởng thành và anh T không yêu cầu chị Đ phải đóng góp nuôi con chung hàng tháng cùng anh T. Chị Đ nhất trí với yêu cầu được nuôi con chung là Đàm Xuân G và sự tự nguyện không yêu cầu chị Đ phải đóng góp nuôi con chung của anh T.

Anh T và chị Đ có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Xuân G theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự thống nhất không có tài sản và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí sơ thẩm: anh Đàm Văn T và chị Nông Thị Đ phải chịu mỗi người 75.000đ (bảy mươi năm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng anh Đàm Văn T tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, sẽ trừ vào số tiền tạm ứng án phí (300.000đ) mà anh T đã nộp theo biên lai số AB/2012/02052 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Anh T còn được trả lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

"Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Lê Lai;
- Lưu hồ sơ VA.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Nông Thanh Điệp